

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



NĂM 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

06

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Lĩnh vực hoạt động
- 10 Lịch sử hình thành và phát triển
- 16 Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
- 18 Rủi ro
- 20 Mục tiêu và định hướng phát triển

22

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 23 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 24 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình tài chính
- 41 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 44 Thông tin cổ phiếu và cổ đông RTB
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

50

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 51 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 54 Tình hình tài chính
- 55 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 59 Kế hoạch phát triển tương lai

60

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 61 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 63 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 63 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

65 QUẢN TRỊ CÔNG TY

77 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

80 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kinh tế – xã hội năm 2020 của nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, khi phần lớn các nền kinh tế tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới có những dấu hiệu khả quan hơn. Thương mại toàn cầu, giá cả hàng hóa đang dần được phục hồi, thị trường chứng khoán toàn cầu tăng mạnh trong tháng 11 và tháng 12 nhờ tín hiệu tích cực từ sản xuất và hiệu quả của vắc-xin phòng Covid-19. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam.

Theo số liệu thống kê liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cao su năm 2020 đạt 1,75 triệu tấn, trị giá 2,38 tỷ USD, tăng 2,9% về lượng và tăng 3,6% về trị giá so với năm 2019. Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam năm 2020 ở mức 1.363 USD/tấn, tăng 0,7% so với năm 2019.

Năm 2020, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 77,88% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, đạt 1,36 triệu tấn, trị giá 1,83 tỷ USD, tăng

17,3% về lượng và tăng 18,1% về trị giá so với năm 2019; giá xuất khẩu bình quân tới thị trường Trung Quốc đạt 1.343 USD/tấn, tăng 0,6% so với năm 2019.

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 trong điều kiện khó khăn và nhiều thách thức:

Bệnh phấn trắng phát triển trên vườn cây kinh doanh với tỉ lệ bệnh 60,35%, chỉ số bệnh 18,46%, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ tán lá của cây cao su. Do toàn bộ diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty hiện nay chủ yếu thuộc vườn cây nhóm 2 và nhóm 3 nên Công ty không tổ chức phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng trên vườn cây cao su.

Toàn bộ diện tích vườn cây của Công ty đang vào thời kỳ già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 2, tuổi cạo từ 16 trở lên chiếm 52,8%, vườn cây nhóm 3 và tận thu chiếm 47,2%), nên dẫn đến năng suất, sản lượng vườn cây cũng giảm theo. Ngoài ra do miệng cạo cao (nhóm 3, tận thu, thanh lý) nên một số vườn cây không thể gắn máng chắn mưa, nên vào ngày có mưa lớn phải nghỉ cạo.

Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao của toàn thể người lao động, Công ty đã chung sức, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020, tục xây dựng RTB ngày càng lớn mạnh và vững bước trên con đường phát triển của mình.

Năm 2020, với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đà chuyển biến tích cực, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng GDP. Việc thực hiện thành công mục tiêu trên đã tạo thêm dư địa để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong các năm tiếp theo. Tuy vậy, theo giới chuyên môn sẽ còn nhiều thách thức trong năm 2021 khi tình hình xuất khẩu bị hạn chế trong bối cảnh thị trường thiếu container để vận chuyển. Bên cạnh đó, xuất khẩu sang thị trường lớn nhất - Trung Quốc có dấu hiệu chậm lại do nước này đã mua mạnh trong những quý cuối cùng của năm 2020.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 quay trở lại với biến chủng mới tốc độ siêu lây nhiễm áp lực lên các ngành sản xuất trong đó có ô tô, do đó thị trường xuất khẩu cao su còn nhiều khó khăn, trắc trở trong năm 2021.

Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên luôn ý thức được sự khó khăn ở phía trước, tập thể Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty cũng như chính sách trọng tâm về kinh doanh sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp cho Công ty trong năm 2020 và tương lai. Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động, xin hứa với quyết tâm cao nhất để hoàn thành tốt hơn nữa kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, nâng thương hiệu của RTB lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển bền vững của ngành cao su Việt Nam nói chung và của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nói riêng.

Trân trọng kính chào.



I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Lĩnh vực hoạt động
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Tên tiếng anh	: TANBIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Logo	
Vốn điều lệ	: 879.450.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)
Mã cổ phiếu	: RTB
Trụ sở chính	: Tổ 2, ấp Thạnh Phú – xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh
Điện thoại	: 0276.3875193 – 3875266
Fax	: 0276.3875307
Email	: tbrc@tabiruco.vn
Website	: www.tabiruco.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy chứng nhận ĐKKD: 3900242832 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/04/2016. Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bổ sung ngành nghề kinh doanh) do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27/07/2020.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125(Chính)
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên	2013
3	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: cây cao su giống	0130
5	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: bán buôn cây giống cao su	4620
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế	4663
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai	1104
10	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật tư khai thác cao su	2599
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất chai nhựa PET	2220
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và các sản phẩm khác từ plastic	4669
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

Năm 2020, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã bổ sung thêm một số Ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
2	Khai thác gỗ	0220
3	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đầu tư tài chính.	6499
4	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ cao su	1610
5	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu	4773
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa	5229
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại (theo quy định của tỉnh); kinh doanh bất động sản	
8	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và sửa chữa công trình đường bộ.	4210
9	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
10	Chăn nuôi gia cầm	0146
11	Trồng cây ăn quả	0121
12	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
13	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14	Trồng cây lâu năm khác	0129
15	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
16	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
17	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
18	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
19	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
20	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
21	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
22	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
23	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
24	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và nội thất tương tự	4649
25	Khai thác đá	08101
26	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	35116
27	Truyền tải và phân phối điện	3512
28	Trồng cây hàng năm khác	0119

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1985 Công ty bắt đầu thành lập từ ngày 20/12/1985 trên cơ sở sáp nhập giữa Công ty Cao su Bắc Tây Ninh - thuộc UBND Tỉnh Tây Ninh- và Công ty Cao su Thiên Ngôn - thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam, với diện tích 6,151 Ha.

2009 Công ty Cao su Tân Biên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên theo quyết định số 340/QĐ – HĐQTCSVN ngày 24/12/2009, về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Tân Biên thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

2016 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã ban hành Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 15/01/2016 Về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.

Ngày 11/03/2016, Công ty đã Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 21/4/2016 Công ty đã tổ chức Họp Đại hội đồng Cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, tại Đại hội đã Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 29/4/2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3900242832. Hoạt động với hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/5/2016. Vốn điều lệ là 879.450 triệu đồng.

Ngày 07/11/2016 Cổ phiếu RTB của Công ty được giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX); Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là: 18.700 đồng/cổ phiếu.

Những giải thưởng tiêu biểu



Sản phẩm tiêu biểu



CAO SU SVR 3L



CAO SU SVR 5



CAO SU SVR 10



CAO SU SVR 20



CAO SU SVR CV50



CAO SU SVR CV60



PHÔI CHAI PET



CHAI PET



NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

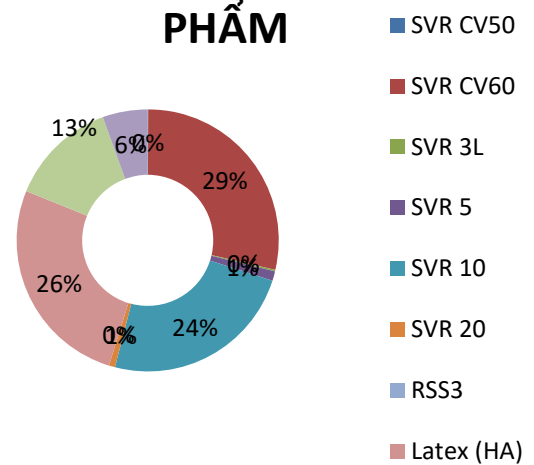
CAO SU LY TÂM (HA)



CAO SU LY TÂM (LA)



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CAO SU CHẾ BIẾN THEO SẢN PHẨM



NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

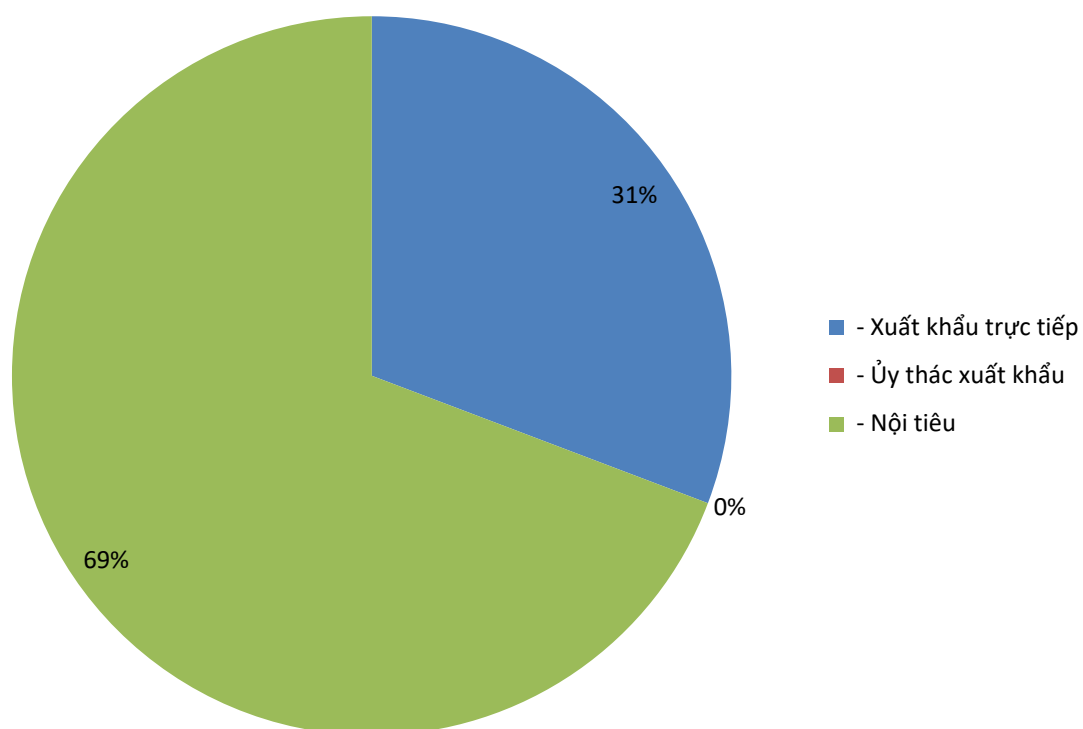




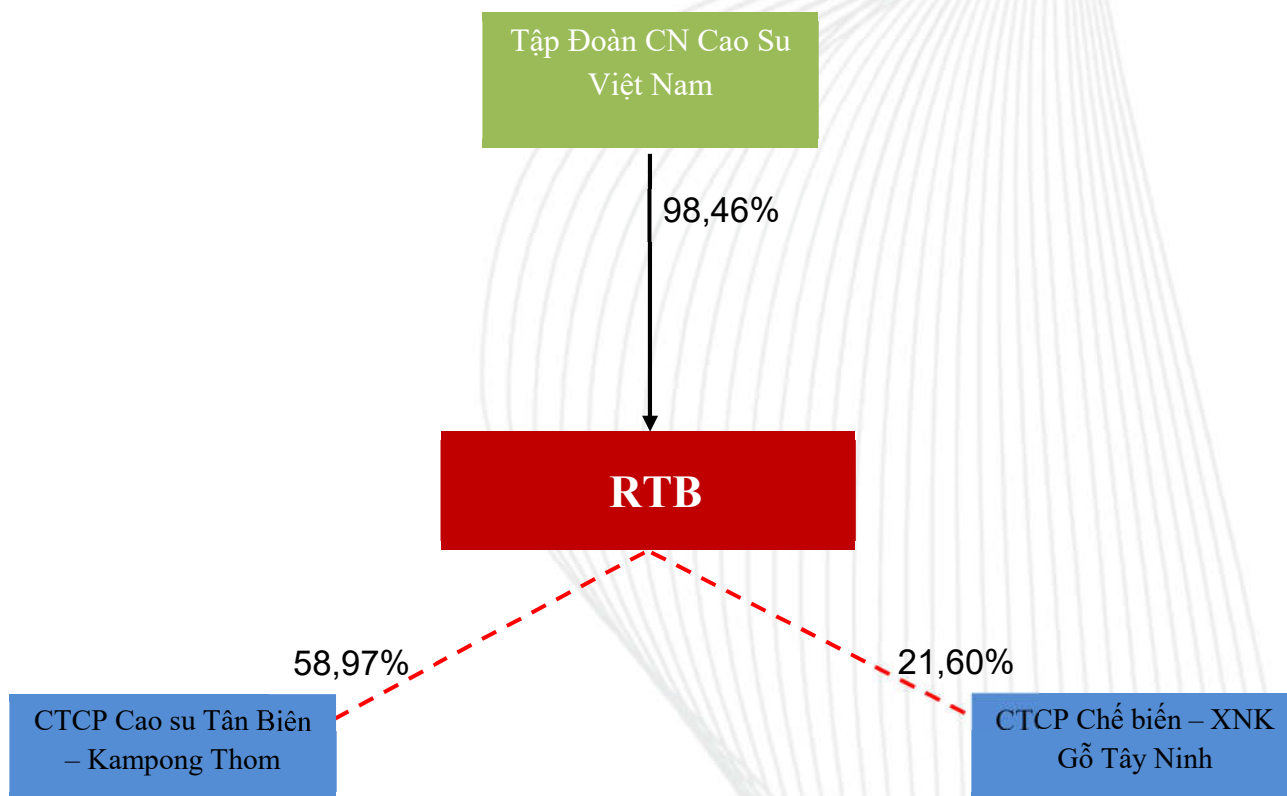
Cơ cấu doanh thu

Kênh tiêu thụ	Năm 2019		Năm 2020	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)
Cao su tự khai thác	6.339	208.707	4.136	142.667
Cao su thu mua	1.761	59.479	778	25.490
Cao su thương mại	3.754	121.650	9.115	286.106
Hoạt động thanh lý	400 ha	166.367	357,82 ha	130.217

Tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ



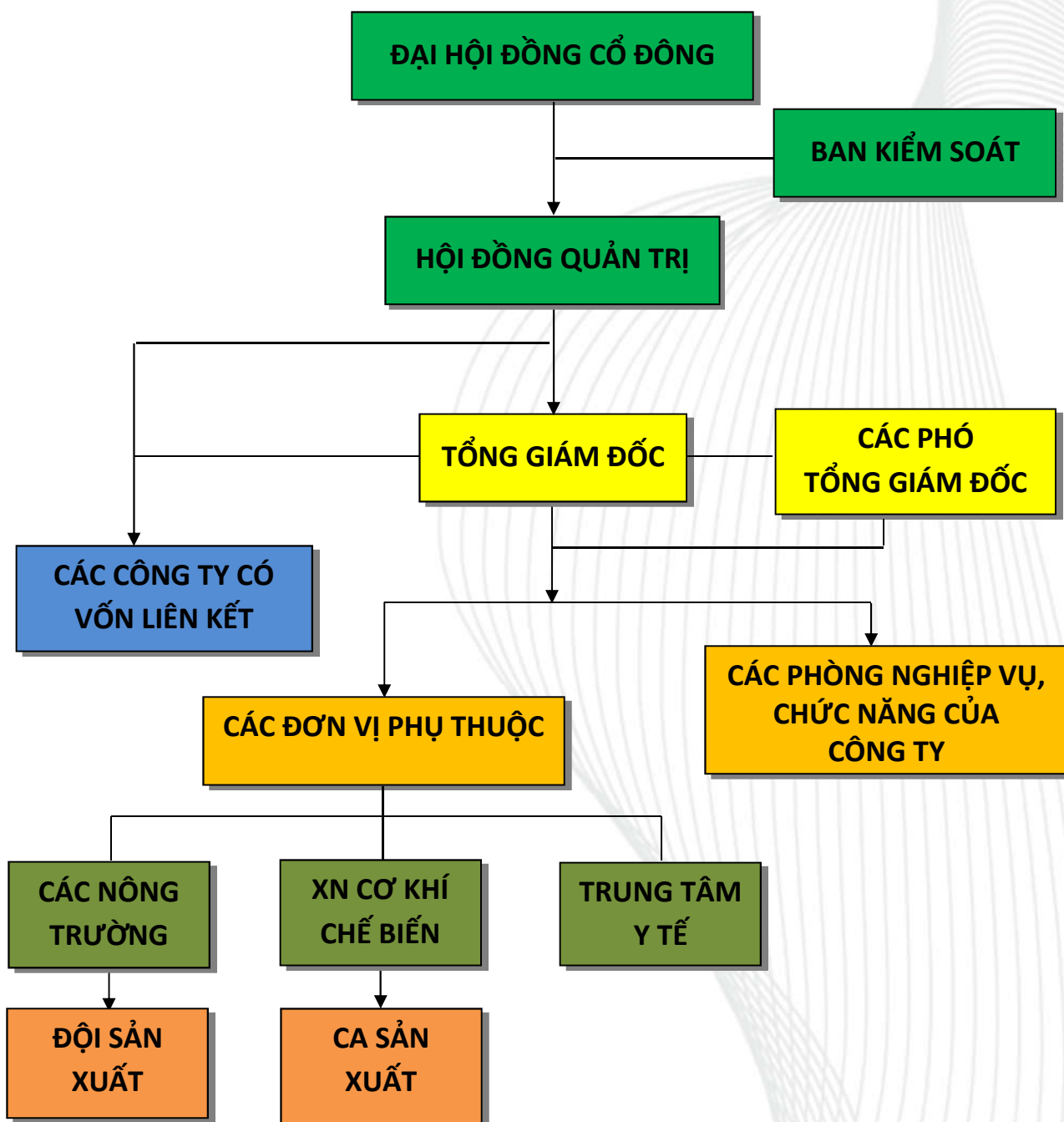
Mô hình quản trị



- - - - -> Công ty con, liên doanh, liên kết

—————> Tổ chức/Cá nhân sở hữu RTB

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



RỦI RO

Rủi ro về thị trường

Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài. Lạm phát, giá cả ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất và đời sống người lao động. Một khi kinh tế tăng trưởng chậm sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu của các sản phẩm của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh xuất khẩu.

Ngoài ra, những biến động về giá cả là yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Hiện nay, nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp. Kèm theo đó là khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su trên thị trường sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và CTCP Cao su Tân Biên nói riêng.

Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, với định hướng xuất khẩu chiếm khoảng 30% tổng doanh thu hàng năm của công ty vì vậy biến động tỷ giá VND so với các đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là USD là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định
- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín của Việt Nam, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



Rủi ro về lãi suất

Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất cao hay thấp, cây tăng trưởng tốt hay không tốt phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Tuy nhiên một môi hiểm nguy cho vườn cây cao su đó là nạn dịch bệnh và thời tiết mưa bão hàng năm. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh sẽ giúp bảo vệ vườn cây phát triển ổn định tạo năng suất khai thác cao, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

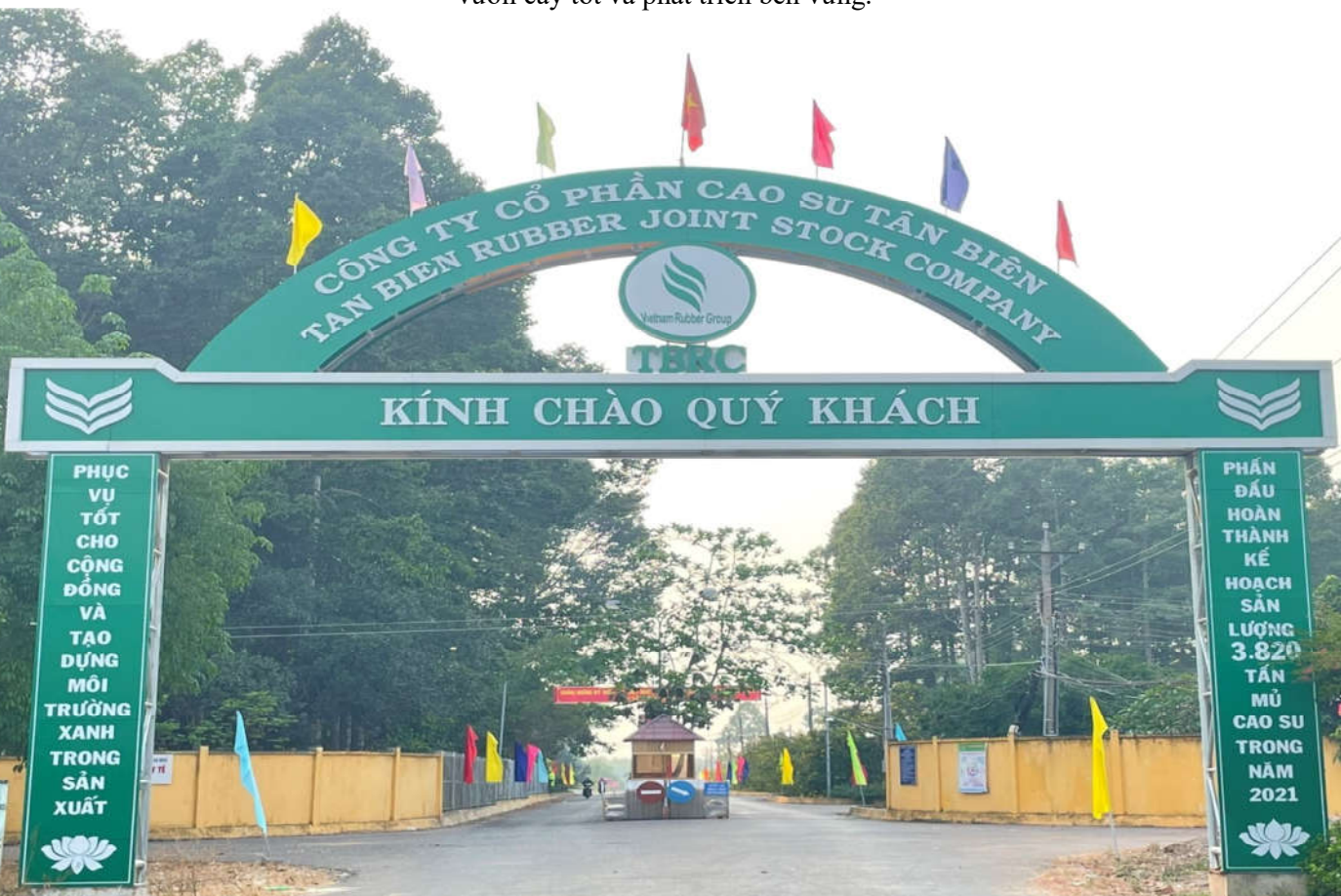
Ngoài ra, về yếu tố thời tiết thì nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phòng ngừa và đối phó kịp thời trước những diễn biến của thời tiết như: mưa, bão, lốc xoáy,... để làm sao hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho vườn cây khai thác. Để từ đó duy trì một vườn cây tốt và phát triển bền vững.

Rủi ro dự án cao su tại Campuchia do Công ty Con làm chủ đầu tư

Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người Campuchia.

Lực lượng công nhân lao động người Campuchia thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội ,...

Thời tiết không thuận lợi, địa hình đồi dốc làm ảnh hưởng đến công tác khai hoang trồng mới.



Mục tiêu chung & Định hướng phát triển

- Phát triển ổn định, bền vững, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Ưu tiên hợp tác các dự án SX sản phẩm từ cao su, nhằm ngày càng hạn chế xuất bán cao su thô.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Chuyển đổi một số diện tích đất sang trồng các cây hiệu quả hơn, có điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, điện năng lượng mặt trời, khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh, phát triển công ty theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động.



Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2020.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống ISO 14001:2015.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy và tăng thu nhập người lao động.
- Thực hiện đề án tái cơ cấu theo chủ trương và thỏa thuận của Tập Đoàn CN cao su VN trong đó chú trọng sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh, sắp xếp lại các công ty con, công ty liên kết.
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện tốt việc đầu tư phát triển cao su tại Campuchia.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Thông tin cổ đông
 - ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đvt	Thực hiện 2019	Thực hiện Năm 2020	% KH Năm 2020
Diện tích khai thác	Ha	3.426	3.047	100%
Sản lượng khai thác	Tấn	5.830	4.031	100%
Năng suất khai thác	Tấn/ha	1,70	1,32	100%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	11.854	14.029	145%
Tổng doanh thu	Tr đồng	578.889	647.890	146%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	212.723	187.067	128%

Năm 2020 Công ty đạt sản lượng khai thác 4.031 tấn, đạt 100% so với kế hoạch năm 2020. Sản lượng tiêu thụ nội địa đạt 9.713 tấn vượt 62% so với kế hoạch. Sản lượng xuất khẩu được 4.316 tấn, vượt 17% so với kế hoạch.

Bên cạnh đó nhờ hoạt động thanh lý vườn cây giúp mang về doanh thu hơn 130,217 tỷ đồng và đóng góp thêm 130,217 tỷ đồng lợi nhuận khác cho công ty năm vừa qua. Kết thúc năm 2020, công ty mẹ đạt tổng lợi nhuận trước thuế là 187,067 tỷ đồng vượt 28% so với kế hoạch.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành
02	Trương Văn Cư	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
03	Đoàn Kim Chung	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Lâm Thanh Phú	TV. HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành
05	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
06	Tô Minh Tài	Thư ký HĐQT	
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
01	Trương Văn Cư	Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
02	Đoàn Kim Chung	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
03	Dương Tấn Phong	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
04	Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
01	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	
BAN KIỂM SOÁT			
01	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban	
02	Hoàng Quốc Hưng	Thành Viên	
03	Trần Nguyễn Duy Sinh	Thành Viên	(Miễn nhiệm ngày 16/06/2020)
04	Hoàng Văn Vinh	Thành Viên	(Bổ nhiệm ngày 16/06/2020)



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Lê Thị Bích Lợi
Chủ tịch HĐQT



Ông Trương Văn Cư
Tv. HĐQT kiêm TGD



Ông Đoàn Kim Chung
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



Ông Dương Tấn Phong
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



Ông Lâm Thanh Phú
Tv. HĐQT

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà LÊ THỊ BÍCH LỢI **Chủ tịch HĐQT**

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học

Năm sinh : 13/7/1968

CMND : 290627654

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Đông Lợi xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1996: Nhân viên phòng Nông nghiệp - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1996-09/2001: Phó giám đốc Nông trường cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2001-12/2009: Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2010-08/2014: Thành viên HĐQT – Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2014-05/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-06/2019: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên

Từ 06/2019- đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.900 CP
- Tỷ lệ: 0,00033%
Đại diện vốn nhà nước: 38.220.803 CP
- Tỷ lệ: 43,46%

Họ tên người liên quan: Không có



Ông TRƯƠNG VĂN CÚ
TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học, cử nhân báo chí

Năm sinh : 30/06/1968

CMND : 072068000008

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Bình Trung, xã Bình Minh, TP
Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-08/1997: Nhân viên phòng Kỹ thuật Nông nghiệp –
Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/1997-01/2004: Phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 02/2004-12/2004: Giám đốc Nông trường Tân Hiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 12/2004-06/2010: Giám đốc Nhà máy chế biến – Công ty
TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-08/2014: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Nhà
máy chế biến – Công ty TNHH MTV
Cao su Tân Biên

Từ 08/2014 – 08/2015: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2015 – 04/2016: Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám
đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân
Biên

Từ 05/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 46.955 CP - Tỷ lệ: 0,053%

- Đại diện vốn nhà nước: 17.589.000 CP - Tỷ lệ: 20%

Họ tên người liên quan: - Trương Văn Dề – Em ruột - Số CP nắm
giữ: 10.200 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Trương Thị Kim Trang – Em ruột - Số CP nắm giữ: 3.000 CP -
Tỷ lệ: 0,00341%.

- Lê Tấn Lợi – Em rể - Số CP nắm giữ: 2.900 CP - Tỷ lệ: 0,0033%.



Ông ĐOÀN KIM CHUNG
TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Năm sinh : 01/01/1961

CMND : 290505784

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 03/1979-07/1979: Chiến sỹ huấn luyện tại C26 D7 Đoàn 403 Hải Quân V3 Đà Nẵng.

Từ 07/1979-07/1982: Học viên trường Kỹ thuật Hải Quân – Cát Lái TP.HCM

Từ 08/1982-10/1983: Học viên- Trường Kỹ thuật Hải Quân – UZMAUL – Liên Xô

Từ 11/1983-12/1987: Ngành trưởng pháo tàu, chuyên gia Hải Quân Campuchia-Căn cứ 505 vùng 5 Hải Quân – Đảng viên – Thượng úy

Từ 01/1988-04/1989: Cán bộ P.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 05/1990-03/1991: Phó TP.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/1991-12/2009: Trưởng P.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 01/2010-06/2011: Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2011-04/2016: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 - đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 3.700 CP - Tỷ lệ:

0,0042%; Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP - Tỷ lệ:15%;

Đại diện vốn cho Công đoàn Công ty: 20.000 CP - Tỷ lệ:0,023%.

Họ tên người liên quan: - Phạm Thị Lài – Vợ - Số CP nắm giữ: 10.400 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Đoàn Kim Quy – Con ruột - Số CP nắm giữ: 700 CP - Tỷ lệ: 0,0008%.

- Đoàn Hải Đăng – Con ruột - Số CP nắm giữ: 200 CP - Tỷ lệ: 0,0002%.

- Đoàn Văn Chuyên – Em ruột - Số CP nắm giữ: 2.800 CP - Tỷ lệ: 0,0032%.

- Dương Thị Lý – Em Dâu - Số CP nắm giữ: 2.200 CP - Tỷ lệ: 0,0025%



Ông DƯƠNG TẤN PHONG
TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học.

Năm sinh : 18/4/1968

CMND : 290370686

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 118, Huỳnh Tấn Phát, KP Hiệp Lễ,
Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh,
tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1991: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1991-05/1992: Trợ lý kỹ thuật Nông trường Suối Ngô, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 5/1992-6/1996: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/1996-12/2004: Phó giám đốc kỹ thuật Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2005-3/2009: Trưởng phòng KTNN, Công ty Cao su Tân Biên.

Từ 03/2009-07/2011: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2011 – 06/2018: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (Nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên)

Từ 06/2018 – 08/2019: TV.HĐQT kiêm Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019 – đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 4.200 CP - Tỷ lệ: 0,0048%; Đại diện vốn nhà nước: 4.397.250 CP - Tỷ lệ: 5 %.

Họ tên người liên quan: Không có



Ông Lâm Thanh Phú
TV.HĐQT (Bổ nhiệm ngày 14/6/2019)

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 29/08/1971

CMND : 072071001683

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/1995-11/1999: Nhân viên phòng Kinh doanh - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 11/1999-08/2004: Phó phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2004-04/2016: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-08/2019: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 5.200 CP
- Tỷ lệ: 0,00059%
Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP
- Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan:

- Lâm Thanh Hùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0013%.

- Lâm Thanh Tùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.

- Trần Nguyễn Thanh Trúc– Em Dâu - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông TRƯƠNG VĂN CỬ (SYLL tương tự phần HĐQT)



Ông ĐOÀN KIM CHUNG (SYLL tương tự phần HĐQT)



Ông DƯƠNG TẤN PHONG (SYLL tương tự phần HĐQT)



Ông TRẦN VĂN TOÀN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 26/02/1966

CMND : 290641959

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-12/1998: Nhân viên Phòng KHĐT và phòng Kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1998-12/1999: Trưởng ban kiểm soát nội bộ - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2000-03/2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh và Phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 03/2005-06/2005: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 07/2005-09/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên-Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 06/2009-12/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom.

Từ 01/2011-08/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong

Từ 08/2014-04/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

Từ 05/2016-đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom.

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan: - Hồ Thị Bích Loan - Vợ - Số CP nắm giữ: 2.400 CP - Tỷ lệ: 0,0027%.

- Trần Thị Thương – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.900 CP - Tỷ lệ: 0,0022%.

- Trần Thị Ngọc Bé – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0012%

- Nguyễn Tri Ân – Em rể - Số CP nắm giữ: 1.000 CP - Tỷ lệ: 0,0011%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Sang
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Hoàng Quốc Hưng
TV. Ban kiểm soát



Ông Trần Nguyễn Duy Sinh
TV. Ban kiểm soát (Miễn
nhiệm ngày 16/06/2020)



Ông Hoàng Văn Vinh
TV. Ban kiểm soát (Bổ nhiệm
ngày 16/06/2020)



1. Ông: NGUYỄN VĂN SANG

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 12/2/1977

CMND : 291085153

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 11/1997-06/1999: Nhân viên Kế toán – Nhà máy chế biến – Công ty cao su Tân Biên

Từ 06/1999-03/2009: Nhân viên Kế toán – Phòng Tài chính kế toán – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-05/2010: Kế toán tổng hợp – Nông trường cao su Suối Ngô- Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-07/2010: Nhân viên kế toán – phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2010-10/2011: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 11/2011-04/2016: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.000 CP - Tỷ lệ: 0,002%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan: Không có



2. Ông HOÀNG QUỐC HÙNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 14/6/1990

CMND : 285290939

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 288 Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng,
huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Quá trình công tác :

Từ 07/2012-08/2013: Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng
Kiểm toán AASC (CN HCM)

Từ 09/2013-04/2016: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Từ 05/2016 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành
viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao
su Tân Biên

Hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su
Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan: Không có



3. Ông: TRẦN NGUYỄN DUY SINH

Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 16/06/2020)

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 14/2/1979

CMND : 290641872

Quốc tịch : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú : Khu phố Ninh Trung - Phường Ninh Sơn
– Thành Phố Tây Ninh.**

Quá trình công tác :

Từ 03/2009-11/2013: Nhân viên Xí nghiệp Cơ khí vận tải – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-07/2009: Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí vận tải – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2009-10/2010: Thư ký tổng hợp cho Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 11/2010-04/2017: Cán bộ phụ trách Công tác tiền lương thuộc phòng Tổ chức hành chính – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 05/2017-03/2020: Cán bộ phụ trách Công tác tiền lương thuộc phòng Tổ chức hành chính, Thành viên ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Từ 04/2020-06/2020: Nhân viên phòng Tài chính kế toán, Thành viên ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Từ 07/2020-đến nay: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 600 CP - Tỷ lệ: 0,0007%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan:

- Trần Nguyễn Thanh Trúc – Em ruột - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,00102%.

- Lâm Thanh Tùng – Em Rể - Số CP nắm giữ: 890 CP - Tỷ lệ: 0,00101%



4. Ông: HOÀNG VĂN VINH

Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 16/06/2020)

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 10/11/1973

CCCD : 072073003220

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : xã Thạnh Đông - huyện Tân Châu - tỉnh Tây Ninh.

Quá trình công tác :

Từ 12/1995-04/2009: Kế toán Tổng hợp Nông trường Cao su Tân Hiệp – Công ty cao su Tân Biên

Từ 05/2009-04/2017: Tổ trưởng tổ tín dụng, Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2017-05/2020: Nhân viên phòng TTBV-QSĐV - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 06/2020-đến nay: Nhân viên phòng TTBV-QSĐV, Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan: Không có

Thống kê lao động

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
HĐ có xác định thời hạn	0
HĐ không xác định thời hạn	1.051
HĐ theo thời vụ (công nhật)	0
Tổng cộng	

Biến động Lao động trong năm:

Lao động có mặt đầu kỳ: 1.372 người

Tăng trong kỳ: 188 người

Giảm: 509 người

Lao động có mặt cuối kỳ: 1.051 người

Tổ chức cán bộ:

- Điều động và bổ nhiệm: 03 người; bổ nhiệm và bổ nhiệm lại: 06 người; điều động CB.CNV: 69 người; Thôi giữ chức vụ và điều động: 02 người; Bố trí công việc và nhiệm vụ: 02 người; Giao và phân công nhiệm vụ: 04 người. Thôi nhiệm vụ: 01 người; Luân chuyển: 01 người.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 66 người.

- Nâng lương định kỳ: 151 người.

Giải quyết chế độ chính sách:

Nghỉ việc được hưởng trợ cấp 1 lần: 108 trường hợp, tổng kinh phí Công ty chi trả: 1.494.000.000 đồng, bình quân 13,8tr/người.

Chính sách lao động:

- Giải quyết tiền lương hàng tháng đúng định kỳ.

- Tổng quỹ lương KH: 97.562828.892 đồng

- Quỹ lương thực hiện: 84.009.390.551 đồng

- Lương bình quân/người/tháng: Kế hoạch 6.343.582 đồng, thực hiện 6.470.224 đồng.

- Chi bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho công nhân khai thác, chế biến, nước thải, bảo vệ lô 15.000 đồng/người/ngày; còn lại 5.000 đồng/người/ngày (dùng để nấu ăn sáng cho người lao động).

-Trang cấp phòng hộ lao động: 632.372.518 đồng.

-Ăn giữa ca 20.000 đồng/người/ngày: 5.550.000.000 đồng.

Chính sách chăm lo sức khỏe cho người lao động

Điều trị:

- *Kết quả khám chữa bệnh cụ thể như sau:*

- Điều trị và khám kê toa cho **2.034** lượt người.
- Điều trị nội trú cho : **1** ca. Tổng số ngày điều trị: **2** ngày. Không đạt công suất sử dụng giường bệnh.
- Cấp cứu: **4** ca.
- Chuyển tuyến trên : **154** ca.
- Khám sức khỏe 01 đợt/năm tập trung cho toàn thể CB-CNV: **812/1.078** CBCNV đạt tỉ lệ 75% tổng số CBCNV.

Phòng dịch:

- Trong năm 2020, tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 diễn biến phức tạp, tuy nhiên được sự chỉ đạo kịp thời của chính quyền các cấp, lãnh đạo ngành cao su, lãnh đạo Công ty và các cơ sở y tế địa phương phối hợp kịp thời cùng với TTYT Công ty tổ chức tuyên truyền, vệ sinh phòng dịch, vận động người lao động sử dụng các ứng dụng Ncovi, Bluezone và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh như thường xuyên rửa tay sát khuẩn, giữ khoảng cách an toàn khi tiếp xúc, đo thân nhiệt, đeo khẩu trang bắt buộc đối với CB.CNV người lao động và khách tới làm việc tại Công ty. Nhờ thực hiện tốt các biện pháp nên trên địa bàn Công ty không có trường hợp nghi nhiễm hoặc nhiễm bệnh nào xảy ra.

Bảo hiểm y tế:

- 100% CBCNV công ty có thẻ BHYT bắt buộc do BHXH Tây Ninh phát hành.
- Công tác BHYT được thanh quyết toán kịp thời.
- Bệnh nhân BHYT được đối xử công bằng và tạo mọi điều kiện để khám chữa bệnh.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Báo cáo tài chính riêng)

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2020	Ghi chú
Tổng tài sản	1.467	
Doanh thu thuần	28	
Lợi nhuận trước thuế	187	
Lợi nhuận sau thuế	151	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Ghi chú
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	76,41	
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	23,59	
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	31,74	
	- Nợ/Vốn CSH	%	46,51	
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,02	
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,46	
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TS LNST/Tổng tài sản	%	5,45	
	- TS LNST/Doanh thu	%	21,28	
	- TS LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	7,98	
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay HTK	Vòng	3,25	
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	0,06	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dự án đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom

- Dự án đã được Chính phủ Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài và Hội đồng phát triển Vương quốc Campuchia chính thức cấp phép đầu tư vĩnh viễn vào Campuchia, Do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đầu tư vào 02 dự án tại Campuchia:
- Dự án 1: Thực hiện đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 128/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 24/04/2008 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 128/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 ngày 08/07/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng giá trị đầu tư là 55.067.777 USD, tương đương 1.029.369.710.000 đồng (tỷ giá 18.692,77 đồng/USD). Mức đầu tư bình quân là 137.249.295 đồng/ha. Trồng cao su tại tỉnh Kampong Thom do Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom là chủ đầu tư trực tiếp hoạt động tại Vương quốc Campuchia.
- Dự án 2: Thực hiện đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 725/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 04/07/2014 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 725/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 cấp ngày 27/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng giá trị đầu tư là 61.983.000 USD, tương đương 1.301.652.000.000 đồng (tỷ giá 21.000,00 đồng/USD). Mức đầu tư bình quân là 192.837.333 đồng/ha. Trồng cao su tại tỉnh Preah Vihear và tỉnh Kampong Thom do Công ty TNHH Cao su MêKong là chủ đầu tư trực tiếp hoạt động tại Vương quốc Campuchia.
- Tổng vốn điều lệ được phê duyệt 1.434 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 58,97% Vốn điều lệ, tương đương 845,632 tỷ đồng. Công ty đã góp được đủ 100%.
- Đến 31/12/2020 tổng diện tích đất trồng cây cao su lũy kế: 12.952,54 ha, vườn cây phát triển tốt, ổn định.
- Tổng vốn chủ sở hữu của Dự án đến 31/12/2020: 1.434 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 845,632 tỷ đồng (tương đương 58,97%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 41,004% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,026%.
- Dự án 1 kết quả kinh doanh năm 2020 có lãi hơn 57 tỷ đồng và đã tự chủ được về tài chính. Dự án 2 do mới đưa vườn cây vào khai thác nên sản lượng những năm đầu chưa cao, chi phí từ hoạt động tài chính cao và giá bán cao su còn thấp. Kết quả kinh doanh năm 2020 lỗ 17,67 tỷ đồng.

2. Dự án Cty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh

Tổng Vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 21,6% Vốn điều lệ, tương đương 10,8 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 100%. Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động từ quý IV/2009 đến nay. Thế mạnh của Công ty là sản xuất gỗ phiêu bán xuất khẩu và bán trong nước, sản xuất gỗ ghép tấm chất lượng cao. Sau hơn 10 năm đi vào hoạt động, vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410 – Bảng cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính năm 2020) đạt 79,857 tỷ đồng, tăng lên 29,857 tỷ đồng (tương đương tăng 59,71%) so với vốn góp ban đầu (50 tỷ đồng). Công ty có lợi thế được Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hỗ trợ phân phối nguồn gỗ nguyên liệu hàng năm, do đó nhà máy hoạt động hết công suất thiết kế. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dự nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 7,06 tỷ đồng.

3. Góp vốn vào Công ty cổ phần Quasa Geruco

- Mục đích đầu tư: Trồng 8.650 ha cao su tại Lào.
- Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 1,2% Vốn điều lệ, tương đương 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm.
- Do dự án mới đi vào khai thác, sản lượng những năm đầu chưa cao, giá bán thấp, chi phí phát sinh lớn nên năm 2020 kết quả kinh doanh của Dự án chưa hiệu quả.

4. Dự án Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị:

- Mục đích đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất gỗ MDF, công suất 60.000 m³/năm.
- Tổng vốn điều lệ: 551 tỷ đồng.
- Thời gian triển khai: năm 2005.
- Đến 31/12/2020 Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp 33,672 tỷ đồng, tương đương 6,11% Vốn điều lệ.
- Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động. Hiện nay vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410 – Bảng cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính năm 2020) đạt 684,774 tỷ đồng, tăng lên 133,638 tỷ đồng (tương đương tăng 24,2%) so với vốn góp (551,136 tỷ đồng). Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dư nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 31,685 tỷ đồng.

5. Dự án Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:

- Tổng vốn điều lệ 427 tỷ đồng do Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp vốn. Trong đó, Cty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn đủ 13 tỷ đồng, dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 25/10/2010.
- Ngày 31/12/2014, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 1.065.570.000 đồng tương đương 106.557 cổ phiếu.
- Ngày 08/04/2020, Công ty tiếp tục thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 677.160.000 đồng, tương đương 67.716 cổ phiếu. Như vậy, đến 31/12/2020 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này chỉ còn 11.257.270.000 đồng, tương đương 1.125.727 cổ phiếu.
- Dự án đang trong lộ trình tái cơ cấu chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

6. Dự án Cty CP PT Đô thị & KCN Cao su VN:

- Mục đích đầu tư: Xây dựng Khu công nghiệp tại Hải Dương.
- Thời gian khởi công: tháng 01 năm 2008.
- Tổng vốn điều lệ 258,94 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn 7,56% tương đương 19,580 tỷ đồng.
- Trong năm 2020 Công ty đã tổ chức thực hiện việc thoái vốn theo lộ trình đã được Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt, doanh thu từ hoạt động thoái vốn 41,199 tỷ

đồng, tương đương 1.480.300 cổ phiếu. Lãi từ thoái vốn là 26,396 tỷ đồng. Đến 31/12/2020 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này là 4,777 tỷ đồng, tương đương 477.700 cổ phiếu.

Khoản mục (Đvt: đồng)	Đầu tư năm 2020	Luỹ kế đến 31/12/2020		
		Tổng số	Mệnh giá gốc	Chênh lệch
Đầu tư vào công ty con (TK 221)	0	795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom		795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Đầu tư vào công ty liên kết (TK 223)	0	16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Công ty CP CB&XNK Gỗ Tây Ninh		16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Đầu tư dài hạn khác (TK 228)	0	41.340.346.741	61.705.820.000	(20.365.473.259)
Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị		26.263.809.000	33.671.550.000	(7.407.741.000)
Công ty CP TMDV&DL Cao su		2.050.267.464	11.257.270.000	(9.207.002.536)
Công ty CP Quasa Geruco		11.593.170.277	12.000.000.000	(406.829.723)
Công ty CP PT ĐT & KCN Cao su VN		1.433.100.000	4.777.000.000	(3.343.900.000)
TỔNG CỘNG	0	852.472.857.720	918.137.580.000	(65.664.722.280)



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG RTB

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng

Mã chứng khoán: RTB

Tổng số CP: 87.945.000 CP

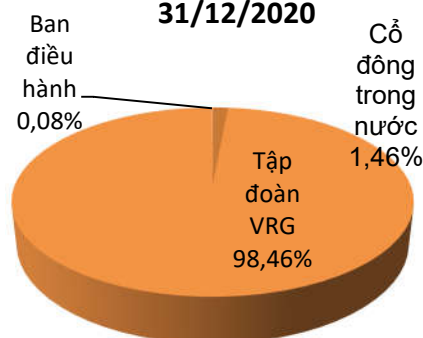
Số lượng CP đang lưu hành: 87.945.000 CP

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 100.000 CP

Số lượng CP quỹ: 0 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2020: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông RTB tại
31/12/2020



Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	86.590.553	98,46%
Cổ đông trong nước	1.354.447	1,54%
–Tổ chức	120.000	0,14%
–Cá nhân	1.234.447	1,40%
Cổ đông nước ngoài	0	0%
–Tổ chức	0	0%
–Cá nhân	0	0%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng cộng	87.945.000	100%

Biểu đồ giá cổ phiếu RTB trong 1 năm qua

10,400
100 (0.97 %)

Trần **11,800**
Tham chiếu **10,300**
Sàn **8,800**

Cao nhất **10,400**
Thấp nhất **10,400**
Khối lượng **1,800**

NN mua **0**
NN bán **0**

Price Relative

Zoom 1m 3m 6m YTD 1y All

From Jan 3, 2020 To Dec 27, 2020



Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên chốt ngày 31/12/2020

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy Đăng ký sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM	4106000341	86.590.553	98,46%

Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HDQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, bao gồm đại diện cổ phần Nhà nước, vốn tổ chức khác) tại ngày 31/12/2020

Tên cổ đông	Chức vụ	CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HDQT	290627654	38.223.703	43,46%
Trương Văn Cư	Tv.HDQT kiêm Tổng Giám đốc	072068000008	17.635.955	20,05%
Đoàn Kim Chung	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	290505784	13.215.450	15,03%
Lâm Thanh Phú	Tv.HDQT độc lập	290472438	13.196.950	15,01%
Dương Tấn Phong	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	290370686	4.401.450	5,00%
Trần Văn Toàn	Phó TGD	290641959	0	0,000%
Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban kiểm soát	291085153	2.000	0,002%
Hoàng Văn Vinh	Tv. Ban kiểm soát	072073003220	0	0,000%
Hoàng Quốc Hưng	Tv. Ban kiểm soát	285290939	0	0,000%
Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	290519871	0	0,000%
Tổng cộng			86.675.508	98,56%

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:**

- Tổng lượng nguyên liệu chế biến trong năm 2020 là 6.221 tấn, trong đó chế biến mù Công ty khai thác 4.200 tấn, mù thu mua 760 tấn, gia công 1.261 tấn.

- Chất lượng chế biến ổn định, đảm bảo uy tín thương hiệu trên thị trường.

- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:**

- Trong quá trình sản xuất không phát sinh phế phẩm nên không tái chế.

- **Tiêu thụ năng lượng:**

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**

- Sản lượng điện tiêu thụ để sản xuất mù cao su trong năm 2020 là: 2.056.217 KW (thấp hơn năm 2019: 542.817 KW).

- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:**

- Tổng sản lượng điện tiết kiệm được trong năm: 800KW

- **Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:**

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

- Nguồn cung cấp nước: mạch nước ngầm dưới lòng đất.

- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:**

- Lượng nước dùng để sản xuất sau khi qua hệ thống xử lý nước thải được tái sử dụng hoàn toàn vào dây chuyền chế biến mù.

- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Đối với khí thải và nước thải: Hệ thống nước thải tập trung đảm bảo xử lý đạt 100% theo tiêu chuẩn QCVN đúng quy định của pháp luật trước khi thải ra môi trường. Áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, cam kết thực hiện tốt chính sách chất lượng và môi trường với phương châm “*Phục vụ tốt cho cộng đồng và tạo dựng môi trường xanh trong sản xuất*”. Định kỳ gửi báo cáo giám sát cho cơ quan quản lý Nhà nước đúng quy định.

- Đối với chất thải nguy hại và chất thải thông thường: Công ty đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý triệt để 100%, đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

- Về an toàn hóa chất: Công ty đã lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại, hóa chất nguy hiểm và tiền chất công nghiệp cho các cơ quan chức năng; lập tờ khai và nộp đầy đủ phí bảo vệ môi trường. Kết quả được cơ quan chức năng đánh giá đảm bảo công tác quản lý chất thải nguy hại, hoá chất nguy hiểm đúng quy định.

- Hằng năm Công ty đều tổ chức quan trắc môi trường theo quy định. Các chỉ tiêu về môi trường được các đơn vị chức năng thẩm định đạt yêu cầu.

- **Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Lao động bình quân năm 2020 là 1.082 người.
- Số lượng lao động tính đến 31/12/2020 là 1.051 người.
- Mức lương trung bình là 6.470 triệu đồng/người.
- Thu nhập bình quân là 8.418 triệu đồng/người.
- Ngoài ra, Công ty còn chi các khoản như: chi phí Bảo hộ lao động, Bồi dưỡng độc hại, các loại bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).
- Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm Công ty đã đưa đi đào tạo, tập huấn các lớp về chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách thuế, lao động, tiền lương, BHXH,..., văn thư lưu trữ, quản trị văn phòng, chế biến mù cao su,... Tổng kinh phí đào tạo năm 2020 là 175 triệu đồng.

• Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

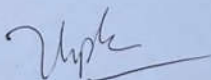
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CAO SU TÂN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc


TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO, CHƯƠNG
TRÌNH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

STT	Tên đơn vị	Tên tỉnh thành phố được hỗ trợ	Kết quả thực hiện năm 2020			Đăng ký ủng hộ năm 2021 (1.000đ)
			Số tiền (1.000đ)	Số nhà xây dựng mới (căn)	Số nhà sửa chữa (căn)	
1	Đóng góp quỹ vì người nghèo	Tây Ninh	50.000			50.000
2	Hỗ trợ trẻ em, đồng bào dân tộc nghèo, trung tâm bảo trợ, học bổng, quỹ khuyến học tại các địa phương	Tây Ninh, TP HCM	163.310			50.000
3	Hội nạn nhân chất độc màu da cam	Tây Ninh	14.000			30.000
4	Hỗ trợ quỹ và xây nhà đến ơn đáp nghĩa					30.000
5	Xây dựng nhà tình thương, Đại đoàn kết, nhà rông					50.000
6	Xây dựng, tu sửa trường học					
7	Xây dựng, tu sửa nâng cấp khu mộ liệt sĩ, nhà tưởng niệm, bảo tàng, truyền thống, văn hóa					
8	Ứng hộ đồng bào lũ lụt, đồng bào thiên tai	Tây Ninh, Hà Tĩnh	532.600			100.000
9	Ứng hộ chiến sĩ đồn Biên phòng, công an biên giới					
10	Hỗ trợ làm đường, xây cầu, cầu treo, cầu khỉ					
11	Hỗ trợ UBND, CCB, MTTQ, TNXP, Hội LH phụ nữ, làng thôn	Tây Ninh	70.000			30.000
12	Hỗ trợ chiến sĩ, người dân trên Đảo Trường Sa					50.000
13	Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính Phủ					
14	Hỗ trợ các chương trình cho hoạt động an sinh xã hội khác	Tây Ninh, TP HCM	252.490			40.000
Tổng cộng			1.082.400			430.000

LẬP BIỂU


Nguyễn Trần Thiên Phúc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Văn Toàn



- **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

- Thực hiện chứng nhận Doanh nghiệp bền vững năm 2020: Vào ngày 17/11/2020 Công ty vinh dự được Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VCCI) chứng nhận doanh nghiệp bền vững năm 2020 (Công ty là 1 trong 14 đơn vị thành viên VRG vinh dự được trao chứng nhận đạt top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2020 do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững trao tặng). Đây là năm thứ 02 liên tiếp Công ty đạt được chứng nhận.

- Chứng chỉ rừng bền vững và chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC và DDS: Công ty đã hoàn thiện nội dung bản dự thảo phương án quản lý rừng bền vững theo ý kiến của Tổ phát triển bền vững và các Ban chuyên môn của Tập đoàn, hiện nay, Công ty đã triển khai tập huấn nhận thức về quản lý rừng bền vững đến toàn thể người lao động, tiến hành khắc phục hiện trường về xử lý môi trường, chống xói mòn, tham vấn cộng đồng, đánh giá nội bộ.

Về tiến độ thực hiện chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC, Công ty đã đánh giá nội bộ, tiến hành cho chạy thử. Kết quả, vào ngày 19/01/2021 Công ty CP cao su Tân Biên được Công ty SGS Việt Nam TNHH (SGS VIETNAM LTD) đánh giá đạt chứng nhận hệ thống quản lý chuỗi hành trình sản phẩm (PEFC-CoC), góp phần vào lộ trình thực hiện cấp chứng chỉ rừng bền vững trong thời gian tới.



III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến trong năm
 - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
-

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khó khăn – Thuận lợi

Khó khăn

- Bệnh phấn trắng phát triển trên vườn cây kinh doanh với tỉ lệ bệnh 60,35%, chỉ số bệnh 18,46%, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ tán lá của cây cao su. Do toàn bộ diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty hiện nay chủ yếu thuộc vườn cây nhóm 2 và nhóm 3 nên Công ty không tổ chức phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng trên vườn cây cao su.

- Toàn bộ diện tích vườn cây của Công ty đang vào thời kỳ già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 2, tuổi cạo từ 16 trở lên chiếm 52,8%, vườn cây nhóm 3 và tận thu chiếm 47,2%), nên dẫn đến năng suất, sản lượng vườn cây cũng giảm theo. Ngoài ra do miệng cạo cao (nhóm 3, tận thu, thanh lý) nên một số vườn cây không thể gắn máng chắn mưa, nên vào ngày có mưa lớn phải nghỉ cạo.

- Mặt khác, do vườn cây già cỗi, miệng cạo (từ 5 – 7m), nhiều cành nhánh, đơn giá tiền lương thấp nên công nhân nghỉ việc nhiều, không tuyển được lao động.

- Vào đầu năm 2020, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp nên tình hình tiêu thụ sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn, giá bán mủ thấp nên đơn giá tiền lương thấp, công nhân nghỉ việc nhiều dẫn đến thiếu lao động. Trong năm 2020, Công ty đã bố trí chế độ cạo d4 với diện tích 2.758,14 ha/3.113,72 ha chiếm 88,6%, chế độ cạo d5: 228,89 ha, chiếm 7,3% (So với năm 2019, diện tích cạo chế độ d3 chiếm 37,31%, chế độ cạo d4 chiếm 62,69% diện tích). Do đó năng suất vườn cây cũng giảm theo. Còn lại 126,69 ha (vườn cây tận thu 2) chiếm 4,1%, do không có công nhân cạo nên phải giao khoán cho các tổ chức, cá nhân bên ngoài khai thác. Nhưng do miệng cạo cao, năng suất thấp nên các hộ nhận khoán không nhận, Công ty vận động rất nhiều lần, diện tích nhận khoán rất chậm. Đến tháng 10/2020 thì 126,69 ha diện tích giao khoán bên ngoài mới thực hiện được nhưng sản lượng giao khoán không cao.

- Việc nhiều năm nay thực hiện giảm phân bón để tiết giảm chi phí giá thành đã ảnh hưởng lớn đến thực hiện sản lượng năm 2020, vườn cây tụt giảm sản lượng nhanh vào những tháng cuối năm.

- Do đặc thù vườn cây chủ lực của Công ty hiện nay chủ yếu là giống GT1, VM515 cành nhánh nhiều, độ phân cành thấp và cành nhỏ nên khi cạo lên miệng cạo cao sản lượng giảm nhanh, không duy trì sản lượng như những năm trước đây.

- Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới và bão, tình trạng mưa nhiều vào ban đêm và buổi sáng nên công tác khai thác bị ảnh hưởng rất nhiều trong tháng 8,9,10. Đặc biệt, trong tháng 10/2020 Công ty bị ảnh hưởng mất mủ 15 ngày.

- Cơ cấu giống vườn cây kinh doanh hiện nay chủ yếu gồm các giống cũ GT1, PB235, RRIM 600, VM515...có năng suất bình quân khoảng 1,3 tấn/ ha.

Thời tiết mưa nhiều và tập trung vào đêm và sáng sớm đã ảnh hưởng lớn đến công tác khai thác mủ. Số ngày nghỉ cạo trong năm do mưa, cụ thể như sau:

- + Xa Mát: 3 ngày
- + Tân Hiệp: 3 ngày.
- + Bồ Túc: 1 ngày.
- + Suối Ngô: 1 ngày

Lượng mưa trong năm cụ thể như sau:

- + Xa Mát: 1.363 mm, 79 ngày mưa.
- + Tân Hiệp: 1.395 mm, 85 ngày mưa.
- + Bồ Túc: 1.191 mm 79 ngày mưa.
- + Suối Ngô: 1.711, 83 ngày mưa.
- Mưa gió làm gãy đổ 2.266 cây cao su trên vườn cây kinh doanh (Xa Mát 46 cây, Tân Hiệp 1.092 cây, Bồ Túc 1.128 cây).
- Công tác quản lý Quy trình kỹ thuật ở một số Nông trường chưa chặt chẽ, triệt để công nhân vẫn cạo dây dằm, cạo phạm... và còn một số công nhân bỏ cạo không cạo hết phần cây nên dẫn đến ¼ Nông trường không đạt sản lượng năm 2020.
- Các nhà máy khu vực lân cận Công ty thường đẩy giá thu mua lên cao đã gây khó khăn cho công tác thu mua mủ nguyên liệu của Công ty.
- Do tình hình dịch COVID 19 kéo dài, nên chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn cục bộ, việc lưu thông hàng hoá không còn như trước khiến cho tiến độ giao nhận hàng với khách của Công ty không thể thông suốt và hiệu quả. Cuối năm, do thiếu tàu kéo container nên việc tiêu thụ của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc, tạo điều kiện, giúp đỡ của Tập đoàn CN cao su Việt Nam, các cấp ủy Đảng và chính quyền, địa phương nơi Công ty trú đóng trên địa bàn.
- Tiếp tục áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất vườn cây trước mắt và lâu dài, trong đó đặc biệt lưu ý công tác quy hoạch băng cạo, kích thích mủ bằng phương pháp Gastech. Quy trình kỹ thuật được thực hiện nghiêm túc ngay từ đầu năm, công tác kiểm tra kỹ thuật được thực hiện thường xuyên và có chế độ khen thưởng kỹ thuật kịp thời.
- Sản phẩm của Công ty có chất lượng ổn định, được khách hàng đánh giá cao, sản phẩm được cung cấp đến các nhà sản xuất trực tiếp như: Vỏ xe, găng tay, nệm mousse...
- Công tác chăm sóc vườn cây KTCB được đặc biệt chú trọng như: bón phân, diệt cỏ, cày chăm sóc tủ gốc bằng máy nên đã tiết giảm đáng kể chi phí suất đầu tư.

Một số các chỉ tiêu thực hiện năm 2020 Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2020		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%
A	B	2	3	4=3/2
A-CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG:				
1-Diện tích khai thác:	ha	3.047	3.047	100,0%
2-Sản lượng khai thác:	tấn	4.030	4.031	100,0%
3-Năng suất:	tấn/ha	1,32	1,32	100,0%
4-Sản lượng chế biến:	tấn	6.200	6.221	100,3%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	5.200	4.200	80,8%
-Mủ thu mua	tấn	1.000	760	76,0%
-Gia công	tấn		1.261	
5-Sản lượng tiêu thụ:	tấn	9.700	14.029	144,6%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	5.200	4.136	79,5%
-Mủ thu mua	tấn	1.000	778	77,8%
-Hàng hóa cao su	tấn	3.500	9.115	260,4%
+Xuất khẩu:	tấn	3.700	4.316	116,6%
-Trực tiếp	tấn	3.700	4.316	116,6%
-Uy thác qua Tập đoàn	tấn			
-Uy thác qua đơn vị khác	tấn			
+Nội tiêu:	tấn	6.000	9.713	161,9%
6-Tồn kho cuối năm:	tấn	2.477	1.867	75,4%
B-CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:				
1-Giá thành tiêu thụ:	Tr đồng	30,43	32,37	106,4%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	29,50	34,70	117,6%
-Mủ thu mua	Tr đồng	31,49	32,74	103,9%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	31,50	31,06	98,6%
2-Giá bán:	Tr đồng	31,50	32,39	102,8%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	31,50	34,49	109,5%
-Mủ thu mua	Tr đồng	31,50	32,77	104,0%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	31,50	31,39	99,6%
3 -Tổng doanh thu:	Tr đồng	444.967	647.890	145,6%
4-Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tr đồng	145.924	187.067	128,2%
5-Chỉ tiêu phải nộp Ngân sách	Tr đồng	40.844	60.106	147,2%
6-Chỉ tiêu đã nộp Ngân sách	Tr đồng	36.398	49.391	135,7%
7-Tỷ suất lợi nhuận:				
_ Trước thuế/doanh thu	%	47,79	28,87	60,4%
_ Trước thuế /vốn điều lệ	%	16,60	21,27	128,1%
8-Trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	6	6	100,0%
9-Tổng đầu tư XDCB	Tr đồng	41.911	24.340	58,1%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Tổng tài sản	2.872	2.848	100,83
Tài sản ngắn hạn	677	592	114,51
Phải thu ngắn hạn	30	31	95,04
Hàng tồn kho	120	143	83,96
Tài sản dài hạn	2.194	2.257	97,24

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Nợ phải trả	912	982	92,84
Nợ ngắn hạn	276	240	115,01
Vay và nợ ngắn hạn	39	1	3.556,35
Phải trả người lao động	69	77	90,12
Quỹ khen thưởng phúc lợi	29	11	256,99
Nợ dài hạn	636	742	85,67
Vay dài hạn	625	710	87,97

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác chế biến

- Chất lượng chế biến các loại sản phẩm đều được nâng cao.
- Năm 2020, Công ty có 2 sản phẩm mủ cao su tự nhiên là Latex LA và SVR 10 đạt chứng nhận thương hiệu quốc gia.
- Công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên nên thiết bị, máy móc hoạt động tốt, không ảnh hưởng đến công tác sản xuất, đảm bảo công suất và chất lượng ổn định.
- Xe vận chuyển nguyên liệu về nhà máy an toàn, hiệu quả đảm bảo thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất cho sản xuất.



Công tác tài chính

- Nguồn vốn thường xuyên được cân đối để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản (trong đó, thực hiện dự án tái canh trồng mới của Công ty, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và chi trả các chế độ cho người lao động);
- Cập nhật các Thông tư, Chỉ thị mới vào công tác nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. Đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành;
- Đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách đến tay người lao động.
- Thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời;
- Thực hiện thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về tình hình tài chính của đơn vị.
- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn, góp phần cho công tác công bố thông tin được kịp thời.

Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB

▪ Công tác tái canh:

Diện tích thực hiện tái canh năm 2020: 357,82 ha (kế hoạch tái canh năm 2020: 411,68 ha), đạt tỷ lệ 86,92% so với kế hoạch.

Công tác quản lý giống: Công ty đã xây dựng kế hoạch sử dụng giống cụ thể cho từng nông trường, từng lô và tuân thủ cơ cấu giống Tập đoàn quy định, tỷ lệ các giống mới được



đưa vào cân đối (Cơ cấu giống RRIV 103, RRIV 114, RRIV 205, RRIV 206, RRIV 209 và trồng khảo nghiệm các giống gỗ mù RRIV 302, RRIV 109, RRIV 217, RRIV 307).

Do Công ty tổ chức tốt các khâu chuẩn bị cho công tác tái canh năm 2020 và tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật nên nhìn chung vườn cây tái canh và KTCB sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống cao.

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn, Công ty khuyến khích công nhân, hộ gia đình nhận chăm sóc vườn cây được trồng xen canh cây ngắn ngày trên diện tích nhận khoán, qua đó người lao động có thêm thu nhập, Công ty tiết giảm suất đầu tư.

▪ Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:

Công ty đã thực hiện chăm sóc vườn cây KTCB năm trồng 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 với tổng diện tích là 2.598,56 ha. Vườn cây được chăm sóc tốt, bón phân đầy đủ và đúng quy trình kỹ thuật.

Công tác tỉa chồi tạo tán được áp dụng đúng quy trình kỹ thuật của Tập đoàn. Phòng trị kịp thời các bệnh hại trên vườn cây, tiến hành phun thuốc trừ rệp vảy, bệnh nứt vỏ (*Botryodiplodia*), bệnh nấm hồng.

Đánh giá phân hạng vườn cây: Diện tích vườn cây đạt loại A là 1.145,70 ha chiếm tỉ lệ 44,09%, loại B là 652,15 ha chiếm tỉ lệ 25,10%, vườn cây đạt loại C là 800,71 ha chiếm tỉ lệ 30,81%.



▪ Quản lý suất đầu tư :

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về tiết giảm suất đầu tư, năm 2020 Công ty xây dựng suất đầu tư bình quân 59 triệu đồng/ha. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật về quản lý suất đầu tư tương ứng với từng năm trồng và phương thức chăm sóc phù hợp, đúng quy trình quy định.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư ngoài:

• Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản luôn được Công ty đặc biệt quan tâm nhất là các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Do tiết giảm đầu tư nên Công ty chỉ thực hiện một số công trình thực sự cần thiết như: Công trình cải tạo đường nhựa nội bộ khu vực kho chứa mủ thành phẩm - Xí nghiệp CKCB, Công trình xây dựng Cổng chào Công ty CP cao su Tân Biên.

Năm 2020, Công ty đã thực hiện và đưa vào sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại Xí nghiệp CKCB với công suất 230 kWp, giá trị thực hiện: 3,03 tỷ đồng.

• Công tác đầu tư tài chính

Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã tham gia góp vốn 06 Dự án, trong đó có 02 dự án đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể:

➤ **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco**

Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 1,2% Vốn điều lệ, tương đương 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm.

➤ **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom**

Tổng vốn điều lệ của Dự án đến 31/12/2020: 1.434 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 845,632 tỷ đồng (tương đương 58,97%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 41,004% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,026%. Dự án đi vào khai thác, hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt năm 2020.

● **Công tác bảo vệ, Quân sự:**

▪ **Công tác bảo vệ:**

- Công tác bảo vệ TTATXH và tài sản của Công ty:

- Trong năm đã xảy ra 03 vụ về trật tự an toàn xã hội (01 vụ tai nạn giao thông, 02 vụ gây mất ANTT) ; 237 vụ xâm hại đến tài sản của Công ty, các vụ việc chủ yếu là trộm cắp mủ cao su. Bảo vệ các đơn vị thu hồi được 9.949 kg mủ cao su các loại và một số tài sản khác.

- Ngay từ đầu năm, Công ty xây dựng và thực hiện phương án phòng, chống cháy nổ năm 2020, tổ chức thực tập phương án sự cố hỏa chất tại Xí nghiệp cơ khí chế biến; Ban chỉ đạo phòng chống cháy nổ công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ trên toàn công ty, tăng cường phòng ngừa trong mùa khô; trang bị các phương tiện dụng cụ phòng chống cháy và tổ chức ứng trực trên toàn công ty. Trong năm 2020 xảy ra 04 vụ cháy lò cao su tại các nông trường Bồ Túc, Suối Ngô và Tân Hiệp nhưng do làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện xử lý kịp thời không gây cháy lớn, không gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng con người. Nguyên nhân là do người dân đốt dọn vệ sinh gây cháy ảnh hưởng đến vườn cây.

- Trong năm Công ty được công an tỉnh Tây Ninh công nhận đơn vị đạt điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng cháy và chữa cháy.

Công tác Quân sự:

- Năm 2020, Lãnh đạo Công ty đã xác định phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược không thể tách rời, nên luôn được quan tâm và thường xuyên củng cố xây dựng các lực lượng: Bảo vệ, tự vệ, dự bị động viên và được tập huấn theo kế hoạch của Huyện Đội Tân Biên và Tân Châu.



- Ban CHQS Công ty tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ, xây dựng các kế hoạch giáo dục chính trị, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các ngày lễ tết bảo đảm tuyệt đối an toàn, sắp xếp luân phiên lực lượng theo đúng hướng dẫn của trên.
- Công ty cử cán bộ thuộc đối tượng người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đúng quy định.
- Trong năm 2020, Ban CHQS Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành chức năng, địa phương nơi trú đóng tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, tài sản. Định kỳ hàng tháng tham gia họp giao ban, họp Cụm chiến đấu, Cụm Thi đua nhằm trao đổi thông tin về ANTT, bảo vệ tài sản, tăng cường tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ CNV, người lao động về đường lối chủ trương của Đảng trong xây dựng nền kinh tế quốc phòng toàn dân, thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự trong CBCNV, người lao động đồng thời tham gia củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức tự vệ, công nhân tự quản, tích cực đấu tranh phòng chống các loại tội phạm ...

Đánh giá kết luận:

Năm 2020 ngoài một số khó khăn nhất định như đã trình bày ở phần trên, nhìn chung các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty đều thực hiện đạt, vượt mức kế hoạch đề ra. Đó là nhờ:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND các cấp, Lãnh đạo Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc;
- Sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.
- Đời sống vật chất, tinh thần CB-CNV được cải thiện, thu nhập tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động được chú trọng nâng cao, đã động viên, khuyến khích mọi người hăng hái thi đua lao động sản xuất;
- Coi trọng việc đào tạo cán bộ quản lý ngang tầm với nhiệm vụ, không ngừng cải tiến lề lối làm việc và phong cách thái độ phục vụ khách hàng.
- Triệt để thực hành tiết kiệm. Chống các biểu hiện hình thức phô trương, lãng phí, luôn luôn đặt lợi ích của cổ đông, của người lao động được ưu tiên ở mọi giải pháp.
- Với những kết quả đạt được trong năm 2020, toàn thể CB-CNV Công ty cổ phần Cao su Tân Biên tiếp tục quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

a. Diện tích, sản lượng, năng suất khai thác:		
+Diện tích:		
-Diện tích Công ty tự khai thác	2.441,31	ha
-Diện tích nhượng quyền khai thác	379,67	ha
-Diện tích chăm sóc cây KTCB	2.735,85	ha
-Diện tích trồng mới tái canh	371,56	ha
+ Sản lượng cao su khai thác:	3.650	tấn
+ Năng suất:	1,29	tấn/ha
b. Sản lượng chế biến:	4.100	tấn
+ Mủ khai thác:	3.100	tấn
+ Mủ Thu mua:	1.000	tấn
+ Chế biến mủ gia công:		tấn
c. Sản lượng tiêu thụ (Khai thác+thu mua):	9.500	tấn
Trong đó : + Xuất khẩu:	4.800	tấn
- <i>Trực tiếp:</i>	4.800	<i>tấn</i>
- <i>Ủy thác:</i>		<i>tấn</i>
+ Nội tiêu:	4.700	tấn
d. Tổng doanh thu:	466.190	Triệu đồng
e. Tổng lợi nhuận trước thuế:	133.000	Triệu đồng
f. Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu:	5	%
g. Các khoản phải nộp ngân sách:	34.150	Triệu đồng

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020, nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn cục bộ gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 trong bối cảnh Ngành Cao su Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:

- Bệnh phấn trắng phát triển trên vườn cây kinh doanh với tỉ lệ bệnh 60,35%, chỉ số bệnh 18,46%, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ tán lá của cây cao su. Do toàn bộ diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty hiện nay chủ yếu thuộc vườn cây nhóm 2 và nhóm 3 nên Công ty không tổ chức phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng trên vườn cây cao su.
- Toàn bộ diện tích vườn cây của Công ty đang vào thời kỳ già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 2, tuổi cạo từ 16 trở lên chiếm 52,8%, vườn cây nhóm 3 và tận thu chiếm 47,2%), nên dẫn đến năng suất, sản lượng vườn cây cũng giảm theo. Ngoài ra do miệng cạo cao (nhóm 3, tận thu, thanh lý) nên một số vườn cây không thể gắn máng chắn mưa, nên vào ngày có mưa lớn phải nghỉ cạo nên ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2020.
- Ngày 16/06/2020, Công ty tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 để thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao độ của toàn thể người quản lý và người lao động, Công ty đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Năm 2020, Công ty đã thực hiện được các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản Năm 2020

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% KH
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
Sản lượng khai thác	Tấn	4.030	4.031	100,00
Năng suất	Tấn/ha	1,32	1,32	100,00
Sản lượng chế biến	Tấn	6.200	6.221	100,34
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	9.700	14.029	144,63
Tồn kho cuối năm	Tấn	2.477	1.867	75,36
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ				
Giá thành	Triệu đ/tấn	30,43	32,37	106,40
- Mủ khai thác	Triệu đ/tấn	29,50	34,70	117,62
- Mủ thu mua	Triệu đ/tấn	31,49	32,74	103,94
- Hàng hóa cao su	Triệu đ/tấn	31,50	31,06	98,60
Giá bán	Triệu đ/tấn	31,50	32,39	102,83
- Mủ khai thác	Triệu đ/tấn	31,50	34,49	109,50
- Mủ thu mua	Triệu đ/tấn	31,50	32,77	104,02
- Hàng hóa cao su	Triệu đ/tấn	31,50	31,39	99,65
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	444.967	647.890	145,60
Tổng LNTT	Tỷ đồng	145.924	187.067	128,19
Tỷ lệ cổ tức trên VDL	%	6	6	100,00

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

- Chủ tịch HĐQT Công ty luôn giữ liên lạc thường xuyên với các thành viên HĐQT khác để thống nhất ý kiến chỉ đạo và có quyết định đúng đắn, kịp thời.
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho các thành viên HĐQT thường xuyên nhằm xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Tổng Giám Đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao.

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2020.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; nâng cấp phiên bản mới hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; xây dựng và áp dụng hệ thống giải pháp và công cụ tinh gọn LEAN.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, sắp xếp, quản lý sản xuất hợp lý nhằm tiết giảm tối đa các chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất thành phẩm ở mức tối ưu nhất có thể.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy, và tăng thu nhập người lao động;
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công Ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.
- Tập trung nghiên cứu, thực hiện các thủ tục chuyển đổi một phần đất trồng cao su sang một số lĩnh vực sản xuất khác như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất công nghiệp, phối hợp với sở ngành của tỉnh Tây Ninh xây dựng quy hoạch sử dụng đất của

công ty giai đoạn 2021 – 2030 phù hợp với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh và chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Tiếp tục xây dựng “Phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng quốc gia VFCS theo bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của PEFC; Xây dựng chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm CoC và hệ thống thẩm định (DDS) theo tiêu chuẩn PEFC-CoC”.

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

- Diện tích cao su khai thác 2.820,98 ha.
- Diện tích cao su thanh lý trong năm 2021 là: 463,27 ha.
- Diện tích cao su tái canh: 371,56 ha.
- Diện tích cao su KTCB 2.735,85 ha.
- Sản lượng cao su khai thác 3.650 tấn. Trong đó:
 - + Sản lượng Công ty tự khai thác: 3.100 tấn.
 - + Sản lượng nhượng quyền khai thác: 550 tấn.
- Sản lượng thu mua mủ cao su: nguyên liệu 1.000 tấn; cao su hàng hóa 5.000 tấn.
- Sản lượng cao su chế biến: 4.100 tấn (trong đó mủ công ty khai thác 3.100 tấn; thu mua mủ nguyên liệu 1.000 tấn).
- Tiêu thụ sản phẩm: 9.500 tấn (trong đó xuất khẩu và UTXK: 4.800 tấn).
- Tổng doanh thu: 466,19 tỷ đồng (trong đó doanh thu cao su 341,5 tỷ đồng)
- Tổng lợi nhuận trước thuế 133 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu: 5%.
- Nộp ngân sách Nhà nước 34,15 tỷ đồng.



-
- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban Kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
 - ❖ Quan hệ cổ đông
-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Đoàn Kim Chung	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành
05	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành

Hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 phiên họp thường kỳ và đột xuất, phát hành 58 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa 2 phiên họp. HĐQT đã ban hành 11 nghị quyết và 100 quyết định để quản lý, lãnh đạo trong công tác cán bộ và sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng quý, Hội đồng Quản trị tổ chức họp với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty để đánh giá tình hình hoạt động và triển khai kế hoạch quý sau, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Hàng tháng HĐQT tham gia họp giao ban cùng với Ban điều hành để chỉ đạo, nắm bắt thông tin kết quả thực hiện các nghị quyết, chủ trương đã đề ra.

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật.

Các Nghị quyết đã thông qua trong năm 2020:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY THÁNG NĂM	NỘI DUNG CHÍNH
01	04/NQ-HĐQTCSTB	17/01/2020	Nghị quyết v/v thông qua kết quả bình xét thi đua và phương án thưởng năm 2019 của Công ty CP CS Tân Biên
02	05/NQ-HĐQTCSTB	21/01/2020	Nghị quyết v/v phê duyệt chi tiền lương, thù lao của NQL và phương án trả lương năm 2019
03	12/NQ-HĐQTCSTB	06/02/2020	Nghị quyết v/v tạm chi tiền lương, thù lao của NQL năm 2020
04	39/NQ-HĐQTCSTB	03/04/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên Quý I/2020

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY THÁNG NĂM	NỘI DUNG CHÍNH
05	63/NQ-HĐQTCSTB	22/05/2020	Nghị quyết v/v chủ trương khởi kiện đòi giao trả lại diện tích đất và tiền thuê đất đối với ông Lê Minh Sơn
06	100/NQ-HĐQTCSTB	24/06/2020	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết hợp đồng mua bán tài sản thanh lý lô hàng xe ô tô tải Isuzu, bồn Inox, khung sắt đỡ bồn và thùng chứa mù tạp với Cty CP CS Tân Biên - KampongThom
07	126/NQ-HĐQTCSTB	11/08/2020	Nghị quyết v/v thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại chức danh P.TGD Công ty CP CS Tân Biên - KampongThom
08	124/NQ-HĐQTCSTB	13/08/2020	Nghị quyết hội đồng quản trị Công ty CP CS Tân Biên quý II năm 2020
09	198/NQ-HĐQTCSTB	10/11/2020	Nghị quyết hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên Quý III/2020
10	203/NQ-HĐQTCSTB	23/11/2020	Nghị quyết v/v phê duyệt chủ trương chi tạm ứng cổ tức năm 2020
11	221/NQ-HĐQTCSTB	14/12/2020	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết hợp đồng dài hạn tiêu thụ cao su với Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên - KampongThom và Công ty TNHH cao su MeKong năm 2021



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

- Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã có gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển bền vững của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã cơ bản hoàn thành, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong những năm tới.

Danh sách các Tv.HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Tất cả Thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Đoàn Kim Chung	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành
05	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát có 3 thành viên, Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ bán chuyên trách. Ban Kiểm soát đề cử 02 thành viên; trong đó: 01 thành viên tham gia Tổ chuyên gia xét thầu và 01 thành viên tham gia Tổ kiểm tra nội bộ.
- Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và đóng góp ý kiến với HĐQT – Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2020 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty.
- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

Công ty Cổ phần cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020, trong bối cảnh Ngành cao su nói chung và Công ty nói riêng tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn: do giá bán mủ cao su chưa được thuận lợi vẫn còn ở mức thấp, giá bán sụt giảm làm ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm và giảm doanh thu. Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, Công ty thực hiện giãn cách xã hội theo yêu cầu của chính quyền địa phương. Ngoài ra, sự biến đổi khí hậu bất thường trong năm, sự biến động về lao động làm công việc khai thác mủ và nạn trộm cắp mủ mặc dù có giảm nhưng vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi ... cũng là những yếu tố làm ảnh hưởng đến sản lượng cao su khai thác.

Do đã nhận định, dự báo trước tình hình khó khăn của năm 2020, nên ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động đề ra các định hướng, giải pháp phù hợp trong điều hành, quản lý nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ban Kiểm soát Công ty xác nhận báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh
1	Tài sản ngắn hạn		448.359	
2	Tài sản dài hạn		1.018.330	
	Tổng tài sản		1.466.689	
3	Nợ phải trả		183.769	
4	Vốn chủ sở hữu		1.282.920	
	Tổng nguồn vốn		1.466.689	
5	Doanh thu	444.967	647.890	145,60%
6	Chi phí	299.042	460.823	154,10%
7	Lợi nhuận trước thuế	145.924	187.067	128,19%
8	Lợi nhuận sau thuế	116.740	150.691	129,08%
9	Sản lượng khai thác (tấn quy khô)	4.030	4.030,81	100,00%
10	Sản lượng chế biến (tấn quy khô)	6.200	6.221	100,34%
11	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	9.700	14.029	144,63%
12	Giá bán bình quân (ngàn đồng/tấn)	31.500	32.391	102,83%

Các chỉ số đánh giá an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2020:

Các chỉ số đánh giá hiệu quả theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020	Mức đạt theo BCTC HN năm 2020
Tỷ số thanh toán nhanh	2,021 lần
Tỷ số thanh toán nợ đến hạn	2,456 lần
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	28,87%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	14,58%
Hệ số bảo toàn vốn	1,05 lần

Qua các chỉ tiêu đánh giá trên cho thấy Công ty CP Cao su Tân Biên có hệ số thanh toán các khoản nợ đến hạn cao, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn cao so với mặt bằng chung của ngành cao su và quan trọng hơn hết là vốn của chủ sở hữu được bảo toàn.

Năm 2020, Công ty đã tiến hành trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết HĐQT, như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 51,643 tỷ đồng.
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 26,957 tỷ đồng.
- Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 0,258 tỷ đồng.
- Chia cổ tức năm 2020 ít nhất bằng 06% mệnh giá: 52,767 tỷ đồng (Đã bao gồm 5% tạm ứng trong năm 2020).
- Tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng 05% mệnh giá: 43,972 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong năm.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công tác đầu tư:

Đầu tư XDCB năm 2020 của Công ty:

- Tổng mức đầu tư năm 2020: 24.340 triệu đồng, được đầu tư bằng nguồn vốn tự có của Công ty và Vốn tín dụng (gồm: Nguồn Vốn điều lệ 13.626 triệu đồng, Nguồn vốn tín dụng dài hạn 10.714 triệu đồng). Tất cả các dự án đều được thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch.

- Công tác chỉ đạo và triển khai dự án từ các khâu khảo sát, thiết kế, thẩm định, lập dự toán, thẩm tra, thẩm định dự toán và phê duyệt các dự án thực hiện theo quy định về thủ tục, trình tự quản lý đầu tư xây dựng. Đơn vị thiết kế, lập dự án, báo cáo đầu tư có chức năng hành nghề. Tùy theo quy mô dự án thuê tư vấn thẩm tra Thiết kế - Dự toán, công ty tự tổ chức thẩm tra và thẩm định phê duyệt dự án, công trình, Công ty tự tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu chọn đơn vị thi công. Song song đó, Công ty tự kiểm tra giám sát công trình làm cơ sở theo dõi để nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- Mỗi công trình đều có quyết định cử cán bộ nghiệp vụ chuyên môn làm công tác giám sát tại hiện trường. Thành phần nghiệm thu gồm các phòng nghiệp vụ có liên quan để thực hiện cho từng dự án, từng công trình xây dựng. Công tác nghiệm thu thực hiện đúng theo quy định về quản lý chất lượng, cụ thể nghiệm thu công việc, công đoạn và tổng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Công tác quyết toán căn cứ khối lượng thực hiện được nghiệm thu thể hiện trên bảng vẽ hoàn công.

Đầu tư tài chính ra bên ngoài:

Tính đến 31/12/2020, Công ty đang đầu tư vào 06 dự án với tổng số vốn đã góp là 918.137 triệu đồng. Có thể đánh giá hiệu quả công tác đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Trong quá trình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, Công ty thực hiện đúng trình tự thủ tục về đầu tư vốn, kể cả việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Tất cả các dự án đều được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận và được Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết về đầu tư vốn, có quyết định cử người đại diện vốn đầy đủ.

- Về tiến độ đầu tư, Công ty thực hiện góp vốn các khoản đầu tư theo kế hoạch do các Công ty nhận đầu tư thông báo và đều được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.



Về tiền lương:

Với việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, Công ty đã được Quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 với số tiền là 84.009 triệu đồng và lương bình quân CBCNV năm 2019 là 6.470 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã phân phối quỹ lương một cách hợp lý, đúng chế độ và theo đúng quy chế của công ty đã ban hành.

Kiểm soát công nợ:

- Thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải tra chi tiết theo từng khách hàng, từng đối tượng nợ. Thực hiện việc trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.
- Tính đến 31/12/2020: Tổng số nợ phải thu: 37,502 tỷ đồng, tổng nợ phải trả: 183,769 tỷ đồng, không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

Các công tác khác của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác đầu tư XDCB, tiền lương, ... tại Công ty;
- Kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng vốn của Ban quản lý điều hành Công ty;
- Thường xuyên quan tâm theo dõi tình hình hoạt động của các dự án đầu tư tài chính của Công ty.

Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy chế trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc đã điều hành công ty trên tinh thần đoàn kết nhất trí và trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của công ty và của cổ đông. Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động SXKD của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như : Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...

Phương hướng nhiệm vụ năm 2021:

- Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2021 như sau:

Lĩnh vực Tài chính:

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện giá thành khai thác, chế biến và các chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ với cổ đông, Nhà nước.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần cao su Tân Biên năm 2020; 06 tháng đầu năm 2021.
- Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Lĩnh vực Nông nghiệp:

- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản lượng khai thác.
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch và thực hiện suất đầu tư theo các quy định quản lý suất đầu tư của Tập đoàn.
- Giám sát tình hình mua và sử dụng phân bón theo các quy định của Tập đoàn.

Lĩnh vực Kế hoạch đầu tư:

- Kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu, mua sắm thường xuyên.
- Kiểm tra, giám sát nhượng quyền khai thác, thanh lý vườn cây cao su.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực Lao động tiền lương:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2020, xây dựng kế hoạch lao động và kế hoạch tiền lương năm 2021.
- Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng và sử dụng lao động, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, phê duyệt kế hoạch lao động; đào tạo và an toàn vệ sinh lao động.

Một số công tác khác:

- Giám sát hoạt động thu mua và gia công mủ cao su.
- Giám sát tình hình thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- Giám sát việc thẩm định báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần cao su Tân Biên - Kampongthom.
- Giám sát các lĩnh vực mà Công ty dự kiến thực hiện trong thời gian tới như về dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khai thác mỏ đá, khu công nghiệp...
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đột xuất khi có yêu cầu của Công ty, Tập đoàn và những lĩnh vực mà Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy cần thiết, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2020

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng và chi khác	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị					
	Lê Thị Bích Lợi	389.837.200		34.700.000		
	Trương Văn Cư	410.174.165		29.700.000		
	Đoàn Kim Chung	373.348.006		24.700.000		
	Lâm Thanh Phú	93.306.364		8.000.000		
	Dương Tấn Phong	272.016.364		22.900.000		
2	Ban kiểm soát					
	Nguyễn Văn Sang	295.332.000		19.700.000		
	Hoàng Quốc Hưng	56.964.000				
	Hoàng Văn Vinh	4.620.000				
	Trần Nguyễn Duy Sinh	52.344.000				
3	Ban điều hành					
	Trương Văn Cư	Như trên	Như trên	Như trên		
	Đoàn Kim Chung	Như trên	Như trên	Như trên		
	Dương Tấn Phong	Như trên	Như trên	Như trên		
	Trần Văn Toàn	251.345.454		17.900.000		
4	Kế toán trưởng					
	Lâm Quang Phúc	227.563.636		15.900.000		

Không có phát sinh

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2020):

S T T	Tên tổ chức /Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (Nếu có)	Số CMND /ĐKKD	Nơi cấp CMND /ĐKKD	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số cổ phiếu giao dịch	Tỷ lệ (%)
	Không phát sinh						

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (Triệu đồng)
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.080
		Bán cây cao su thanh lý	18.445
		Tiền phạt vi phạm hợp đồng mua cây thanh lý	107
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom (TKR)	Công ty con	Mua Mủ cao su thành phẩm	48.659
		Bán tài sản thanh lý	596
Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom	Công ty con gián tiếp	Thanh toán và mua Mủ cao su	135.605
Caoutchouc Mekong Co., Ltd	Công ty con gián tiếp	Thanh toán và mua Mủ cao su	73.944
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	15.470
		Chia cổ tức	60.613
Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng trị	Ông Huỳnh Duy Hiền làm thành viên HĐQT	Tiền cổ tức nhận được	1.010
Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	Ông Đoàn Kim Chung làm thành viên HĐQT	Tiền cổ tức nhận được	1.566

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung trong năm 2020 vừa qua, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty. Thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa RTB và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động của công ty quý nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại:

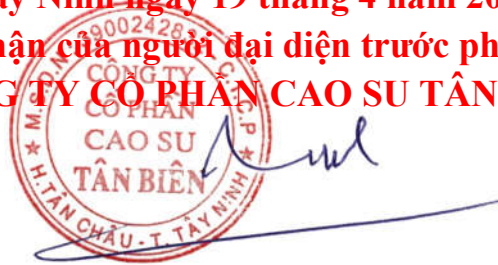
<http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

RTB luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.





Tây Ninh ngày 19 tháng 4 năm 2021
Xác nhận của người đại diện trước pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



Trương Văn Cư

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN 2020



Số: 050221. 009 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 05 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		448.359.342.117	428.198.343.057
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	223.694.909.826	156.715.476.040
111	1. Tiền		22.758.559.429	37.520.446.122
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.936.350.397	119.195.029.918
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	113.478.307.213	128.621.835.616
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		113.478.307.213	128.621.835.616
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.501.731.154	45.145.978.064
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	14.047.538.135	17.074.056.584
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	13.992.171.493	23.370.528.861
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	10.379.685.720	5.619.056.813
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(917.664.194)	(917.664.194)
140	IV. Hàng tồn kho	09	70.349.034.323	91.358.935.633
141	1. Hàng tồn kho		70.525.290.775	92.067.799.850
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(176.256.452)	(708.864.217)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.335.359.601	6.356.117.704
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	411.777.068	180.803.951
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	2.923.582.533	6.175.313.753
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.018.329.804.126	1.013.649.850.690
220	II. Tài sản cố định		33.225.826.438	43.281.997.435
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	33.225.826.438	43.281.997.435
222	- Nguyên giá		292.882.494.356	304.950.509.605
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(259.656.667.918)	(261.668.512.170)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	132.117.837.849	108.455.754.395
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		132.117.837.849	108.455.754.395
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	850.422.571.091	856.255.156.849
251	1. Đầu tư vào công ty con		795.041.141.348	795.041.141.348
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.340.346.741	45.904.576.742
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.050.286.629)	(781.930.872)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.563.568.748	5.656.942.011
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.563.568.748	5.656.942.011
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>1.466.689.146.243</u>	<u>1.441.848.193.747</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		183.769.448.076	212.280.328.163
310	I. Nợ ngắn hạn		163.794.583.745	167.174.949.832
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	770.229.390	802.780.835
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	32.192.181.172	6.453.068.814
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	11.513.779.765	4.050.690.589
314	4. Phải trả người lao động		37.230.054.851	51.408.444.327
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.670.100.828	1.263.908.275
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	51.049.746.547	90.730.858.107
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	123.206.000	1.085.343.526
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		29.245.285.192	11.379.855.359
330	II. Nợ dài hạn		19.974.864.331	45.105.378.331
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	9.027.896.768	34.158.410.768
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.282.919.698.167	1.229.567.865.584
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.282.919.698.167	1.229.567.865.584
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		200.906.887.455	149.264.223.455
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		202.562.810.712	200.853.642.129
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		104.406.935.129	116.656.428.041
421b	LNST chưa phân phối năm nay		98.155.875.583	84.197.214.088
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.466.689.146.243	1.441.848.193.747



Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập



Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng





Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	457.173.070.271	390.568.916.631
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		457.173.070.271	390.568.916.631
11	4. Giá vốn hàng bán	23	429.576.639.374	342.141.952.098
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.596.430.897	48.426.964.533
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	55.698.215.645	14.122.769.698
22	7. Chi phí tài chính	25	3.207.199.413	(8.300.083.107)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		66.719.763	183.949.394
25	8. Chi phí bán hàng	26	5.108.157.767	4.856.922.935
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	19.067.448.378	23.479.170.151
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.911.840.984	42.513.724.252
31	11. Thu nhập khác	28	135.018.607.037	174.198.038.588
32	12. Chi phí khác	29	3.863.368.114	3.738.888.515
40	13. Lợi nhuận khác		131.155.238.923	170.459.150.073
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		187.067.079.907	212.972.874.325
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	36.375.704.324	40.830.660.237
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>150.691.375.583</u>	<u>172.142.214.088</u>

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		477.562.598.876	402.193.599.969
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(312.322.041.390)	(192.707.031.388)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(79.634.601.307)	(100.511.289.442)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(107.499.995)	(160.088.592)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29.565.731.800)	(36.693.924.553)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.825.881.296	18.661.662.597
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(84.760.840.929)	(95.810.128.334)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.002.235.249)	(5.027.199.743)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.780.951.936)	(13.241.643.102)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		167.419.242.990	146.879.263.625
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.500.000.000)	(110.424.127.283)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		38.643.528.403	13.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(154.677.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.677.160.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.070.854.492	12.156.772.027
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		222.529.833.949	(106.306.734.733)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	19.759.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(26.092.651.526)	(1.356.787.481)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(104.998.750.000)	(105.380.251.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(131.091.401.526)	(86.978.038.481)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		67.436.197.174	(198.311.972.957)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		156.715.476.040	355.092.309.404
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(456.763.388)	(64.860.407)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		223.694.909.826	156.715.476.040

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2021



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2020



Số: 220221.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Ban Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Trung Hiếu
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Lê Kim Yến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		677.464.149.346	591.634.318.891
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	352.374.969.628	240.330.739.843
111	1. Tiền		119.438.619.231	101.135.709.925
112	2. Các khoản tương đương tiền		232.936.350.397	139.195.029.918
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	114.018.307.213	128.621.835.616
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		114.018.307.213	128.621.835.616
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.864.574.707	31.423.494.304
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	15.708.952.843	17.494.256.984
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.647.272.650	5.039.263.752
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	12.836.840.910	14.200.795.155
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.328.491.696)	(5.310.821.587)
140	IV. Hàng tồn kho	10	120.103.590.426	143.048.402.862
141	1. Hàng tồn kho		120.279.846.878	144.700.894.820
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(176.256.452)	(1.652.491.958)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		61.102.707.372	48.209.846.266
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	411.777.068	199.575.854
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		57.717.377.641	41.791.007.516
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.973.552.663	6.219.262.896
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.194.199.748.772	2.256.515.132.991
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.444.904.575	3.443.272.200
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	3.444.904.575	3.443.272.200
220	II. Tài sản cố định		1.624.101.481.146	1.377.469.120.430
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.622.873.980.200	1.375.998.295.619
222	- Nguyên giá		2.207.686.059.963	1.902.319.578.308
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(584.812.079.763)	(526.321.282.689)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.227.500.946	1.470.824.811
228	- Nguyên giá		2.941.587.090	2.927.018.239
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.714.086.144)	(1.456.193.428)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		478.524.155.933	774.499.346.946
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	478.524.155.933	774.499.346.946
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	61.830.515.132	67.920.079.543
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22.540.455.020	22.797.433.673
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.340.346.741	45.904.576.742
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.050.286.629)	(781.930.872)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.298.691.986	33.183.313.872
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	20.544.118.800	27.466.941.504
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.a	5.754.573.186	5.716.372.368
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.871.663.898.118	2.848.149.451.882

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		911.551.740.275	981.881.980.375
310	I. Nợ ngắn hạn		275.836.234.636	239.846.679.522
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	30.419.059.032	40.254.680.823
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	36.819.424.509	9.653.416.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	12.443.161.197	4.410.900.897
314	4. Phải trả người lao động		69.459.877.359	77.075.045.563
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.518.007.352	2.672.230.373
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	54.332.801.310	93.315.206.677
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	38.598.618.685	1.085.343.526
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		29.245.285.192	11.379.855.359
330	II. Nợ dài hạn		635.715.505.639	742.035.300.853
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	-	20.919.517.580
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	624.768.538.076	710.168.815.710
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.960.112.157.843	1.866.267.471.507
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.960.112.157.843	1.866.267.471.507
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		879.450.000.000	879.450.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		49.139.022.270	49.139.022.270
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		100.343.294.603	94.385.866.974
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.906.887.455	149.264.223.455
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		119.960.326.960	100.498.027.765
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		4.056.409.313	31.941.889.161
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		115.903.917.647	68.556.138.604
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		610.312.626.555	593.530.331.043
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.871.663.898.118	2.848.149.451.882

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020		Năm 2019	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	670.904.689.411		539.964.442.078	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		670.904.689.411		539.964.442.078	
11	4. Giá vốn hàng bán	24	511.840.560.709		427.808.282.864	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.064.128.702		112.156.159.214	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	62.432.191.835		21.294.689.190	
22	7. Chi phí tài chính	26	50.479.530.578		38.165.282.641	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		42.021.161.400		33.617.925.269	
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(256.978.653)		15.375.784	
25	9. Chi phí bán hàng	27	23.890.261.212		24.914.399.586	
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	48.216.587.662		50.488.817.517	
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		98.652.962.432		19.897.724.444	
31	12. Thu nhập khác	29	141.262.999.840		174.236.810.537	
32	13. Chi phí khác	30	22.349.315.058		6.558.453.399	
40	14. Lợi nhuận khác		118.913.684.782		167.678.357.138	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		217.566.647.214		187.576.081.582	
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	36.531.696.120		40.973.617.171	
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.b	(38.200.818)		(555.971.951)	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		181.073.151.912		147.158.436.362	
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		168.439.417.647		156.501.138.604	
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		12.633.734.265		(9.342.702.242)	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.915		1.780	

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		217.566.647.214	187.576.081.582
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		87.108.862.663	70.165.499.230
03	- Các khoản dự phòng		(190.209.640)	(11.311.086.882)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.806.259.171)	81.875.153
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(187.516.223.468)	(183.381.447.633)
06	- Chi phí lãi vay		42.021.161.400	33.617.925.269
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		156.183.978.998	96.748.846.719
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.717.066.551)	14.487.503.950
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		24.421.047.942	(10.873.361.153)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		17.729.229.177	(46.965.509.417)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.710.621.490	4.058.173.182
14	- Tiền lãi vay đã trả		(42.440.074.125)	(34.449.167.806)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29.795.221.865)	(36.777.294.632)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.874.446.364)	(26.034.708.991)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		113.218.068.702	(39.805.518.148)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(70.838.323.758)	(76.631.367.995)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		133.835.804.327	147.301.916.463
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(24.041.632.375)	(110.424.127.283)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		38.643.528.403	13.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.677.160.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.307.811.361	15.321.600.828
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		131.584.347.958	(11.431.977.987)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.886.837.524	22.110.775.350
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(53.946.808.250)	(3.708.562.831)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(104.998.750.000)	(105.380.251.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(157.058.720.726)	(86.978.038.481)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		87.743.695.934	(138.215.534.616)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		240.330.739.843	378.376.762.071
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		24.300.533.851	169.512.388
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>352.374.969.628</u>	<u>240.330.739.843</u>

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Trụ sở : Tổ 2 - Thạnh Phú – Tân Hiệp – Tân Châu - Tây Ninh

Điện thoại: 0276. 3875193 – 3875266

Fax: 0276. 3875307

Email: tbrc@tabiruco.vn

Website: www.tabiruco.vn

